

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 04&05/01/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Bùi Thị Phương Anh	01/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
2	CNTT02	Đặng Văn Anh	19/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
3	CNTT03	Thân Thị Ánh	12/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
4	CNTT04	Thân Thị Ngọc Ánh	29/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
5	CNTT05	Thân Văn Ánh	27/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
6	CNTT06	Trần Sơn Bách	26/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
7	CNTT07	Nguyễn Văn Chính	17/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	7.0	Đạt	
8	CNTT08	Nguyễn Viết Chung	26/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Văn Công	20/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
10	CNTT10	Thân Thành Công	23/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
11	CNTT11	Trần Quang Cử	25/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
12	CNTT12	Lê Công Dũng	29/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
13	CNTT13	Vũ Quang Dũng	12/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
14	CNTT14	Đỗ Văn Dự	30/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
15	CNTT15	Hoàng Thùy Dương	01/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
16	CNTT16	Nguyễn Hữu Dương	08/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	
17	CNTT17	Trần Văn Dương	24/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT18	Phạm Quang	Đạt	30/11/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	5.5	5.0	Đạt	
19	CNTT19	Diêm Công	Điện	02/08/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
20	CNTT20	Nguyễn Thanh	Điện	31/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
21	CNTT21	Nguyễn Văn	Đoàn	08/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
22	CNTT22	Vũ Đình	Đông	28/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
23	CNTT23	Lê Đình	Đức	14/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
24	CNTT24	Dương Văn	Giang	05/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
25	CNTT25	Tổng Văn	Giang	07/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
26	CNTT26	Đình Văn	Hải	28/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
27	CNTT27	Lê Tuấn	Hải	07/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh	6.0	6.5	Đạt	
28	CNTT28	Nguyễn Quang	Hải	22/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
29	CNTT29	Nguyễn Thị	Hải	16/05/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
30	CNTT30	Nguyễn Văn	Hải	20/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
31	CNTT31	Nguyễn Hồng	Hạnh	12/06/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
32	CNTT32	Nguyễn Đức	Hào	27/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
33	CNTT33	Nguyễn Văn	Hào	29/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
34	CNTT34	Nguyễn Thị	Hào	15/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
35	CNTT35	Nguyễn Thị	Hằng	11/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
36	CNTT36	Vũ Thị	Hằng	01/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
37	CNTT37	Hoàng Minh	Hân	29/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT38	Chu Văn	Hậu	03/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
39	CNTT39	Đỗ Văn	Hậu	09/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
40	CNTT40	Nghiêm Ngọc	Hiệp	11/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
41	CNTT41	Nguyễn Trung	Hiếu	23/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
42	CNTT42	Hoàng Quốc	Hiệu	13/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
43	CNTT43	Văn Công Thanh	Hiệu	04/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
44	CNTT44	Đỗ Thị	Hòa	28/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
45	CNTT45	Nguyễn Thị	Hoài	10/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
46	CNTT46	Nguyễn Thị	Hoan	03/10/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
47	CNTT47	Nguyễn Văn	Hoan	24/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
48	CNTT48	Lê Văn	Hoàng	16/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
49	CNTT49	Ngô Văn	Hoàng	14/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	7.0	Đạt	
50	CNTT50	Vũ Văn	Hoàng	21/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	7.0	Đạt	
51	CNTT51	Nguyễn Bá	Huân	15/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
52	CNTT52	Nguyễn Đức Nam	Hùng	23/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
53	CNTT53	Đỗ Danh	Huy	14/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
54	CNTT54	Hoàng Đức	Cương	20/01/1982	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.5	7.5	Đạt	
55	CNTT55	Phạm Văn	Duy	06/05/1994	Nam	Kinh	Nam Định	5.2	6.5	Đạt	
56	CNTT56	Nguyễn Thị	Hạnh	06/05/1971	Nữ	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
57	CNTT57	Ngô Văn	Hiệp	05/03/1995	Nam	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT58	Giáp Thị Ngân	Hoa	10/05/1993	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
59	CNTT59	Đỗ Mạnh	Hùng	17/05/1970	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.2	8.0	Đạt	
60	CNTT60	Nguyễn Huy	Hùng	07/11/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	6.0	6.0	Đạt	
61	CNTT61	Hoàng Quốc	Huy	13/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
62	CNTT62	Nguyễn Quang	Huy	17/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
63	CNTT63	Tổng Thành	Huy	11/10/1981	Nam	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
64	CNTT64	Lâm Thị Thu	Huyền	13/11/1977	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
65	CNTT65	Nguyễn Thị	Huyền	16/12/1982	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
66	CNTT66	Trần Quốc	Hưng	21/08/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
67	CNTT67	Trần Quỳnh	Hương	17/03/1985	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
68	CNTT68	Trần Thị Thu	Hương	26/05/1972	Nữ	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
69	CNTT69	Ngô Văn	Hưởng	07/09/1980	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
70	CNTT70	Nguyễn Sỹ	Khoa	16/06/1974	Nam	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
71	CNTT71	Đoàn Trung	Kiên	23/03/1986	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
72	CNTT72	Nguyễn Thị	Mai	09/12/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	
73	CNTT73	Tạ Văn	Mạnh	17/07/1986	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
74	CNTT74	Vũ Hải	Nam	10/01/1994	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
75	CNTT75	Phạm Thị	Ninh	05/01/1980	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	7.0	Đạt	
76	CNTT76	Nguyễn Khánh	Phương	26/08/1978	Nam	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
77	CNTT77	Thân Văn	Quyết	08/04/1965	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT78	Nguyễn Hà	Son	20/10/1995	Nam	Kinh	Bắc Ninh	-	-	-	Bỏ thi
79	CNTT79	Hoàng Thị	Thúy	02/10/1983	Nữ	Kinh	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
80	CNTT80	Nguyễn Duy	Toàn	18/10/1981	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
81	CNTT81	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29/11/1986	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7.7	8.5	Đạt	
82	CNTT82	Hoàng Văn	Trường	24/10/1975	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.5	7.5	Đạt	
83	CNTT83	Vương Văn	Huy	15/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
84	CNTT84	Dương Văn	Hưng	02/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
85	CNTT85	Nguyễn Thị	Hương	24/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
86	CNTT86	Nguyễn Thị	Hường	24/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
87	CNTT87	Nguyễn Thị	Hường	04/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
88	CNTT88	Trần Thị	Hường	23/12/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
89	CNTT89	Lê Văn	Khanh	26/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
90	CNTT90	Nguyễn Văn	Khoa	03/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
91	CNTT91	Nguyễn Xuân	Kiên	05/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.5	Đạt	
92	CNTT92	Nguyễn Thị Mai	Lan	05/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.7	6.0	Đạt	
93	CNTT93	Nguyễn Thị	Lệ	30/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
94	CNTT94	Lê Thị Thùy	Linh	27/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
95	CNTT95	Nguyễn Đình	Linh	22/12/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
96	CNTT96	Đặng Thị Minh	Loan	13/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
97	CNTT97	Vũ Thế	Long	08/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT98	Dương Đắc	Lộc	07/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
99	CNTT99	Dương Văn	Lợi	13/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
100	CNTT100	Đào Văn	Lợi	27/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
101	CNTT101	Dương Văn	Luận	08/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
102	CNTT102	Dương Văn	Lục	12/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
103	CNTT103	Dương Thị	Mai	07/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	
104	CNTT104	Phan Thị	Mai	17/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
105	CNTT105	Nguyễn Thị	Mây	17/04/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
106	CNTT106	Diêm Công	Minh	11/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
107	CNTT107	Nguyễn Ngọc	Minh	21/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
108	CNTT108	Nguyễn Văn	Minh	17/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
109	CNTT109	Tổng Thị Trà	My	14/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
110	CNTT110	Dương Thị Tuyết	Nga	05/05/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
111	CNTT111	Đỗ Thị	Nga	14/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
112	CNTT112	Phạm Thị	Ngà	19/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
113	CNTT113	Dương Thị	Ngân	10/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
114	CNTT114	Nguyễn Thị	Ngoan	30/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
115	CNTT115	Ngô Minh	Ngọc	08/04/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
116	CNTT116	Trần Trọng	Nguyên	15/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
117	CNTT117	Vũ Trung	Nguyên	21/07/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
118	CNTT118	Ngô Thị	Nhâm	12/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
119	CNTT119	Nguyễn Thị	Oanh	24/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
120	CNTT120	Diêm Công	Phong	24/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
121	CNTT121	Trần Văn	Quang	01/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
122	CNTT122	Vũ Hoàng	Quân	24/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
123	CNTT123	Nguyễn Hữu	Quyết	28/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
124	CNTT124	Đặng Thị	Quỳnh	14/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
125	CNTT125	Đặng Thị Hoa	Quỳnh	15/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
126	CNTT126	Giáp Thị Như	Quỳnh	30/10/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
127	CNTT127	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
128	CNTT128	Giáp Văn	Sinh	28/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
129	CNTT129	Trần Văn	Sự	17/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
130	CNTT130	Nguyễn Nhật	Tân	16/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
131	CNTT131	Tổng Ngọc	Thanh	07/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
132	CNTT132	Đặng Thị	Thảo	28/03/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
133	CNTT133	Nguyễn Thị	Thảo	23/09/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
134	CNTT134	Trần Thị Hương	Thảo	25/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
135	CNTT135	Đỗ Thị	Thắm	16/05/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
136	CNTT136	Lê Đức	Thắng	16/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
137	CNTT137	Bùi Xuân	Thịnh	06/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
138	CNTT138	Nguyễn Văn	Thoan	20/05/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
139	CNTT139	Đỗ Thành	Thông	15/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
140	CNTT140	Tổng Văn	Thu	27/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
141	CNTT141	Nguyễn Văn	Thuận	17/12/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
142	CNTT142	Trần Thị Kim	Thùy	17/07/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	
143	CNTT143	Đặng Thị	Thủy	30/06/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
144	CNTT144	Kiều Thị	Thủy	30/06/2001	Nữ	Kinh	Lào Cai	5.7	6.0	Đạt	
145	CNTT145	Nguyễn Trọng	Thủy	27/01/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
146	CNTT146	Nguyễn Thị	Thúy	02/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
147	CNTT147	Thân Thanh	Thúy	25/04/2002	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	5.5	5.5	Đạt	
148	CNTT148	Thân Bá	Tích	05/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
149	CNTT149	Nguyễn Văn	Tới	11/08/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
150	CNTT150	Nguyễn Hữu	Trí	28/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	6.5	Đạt	
151	CNTT151	Dương Thị Lâm	Trinh	05/02/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
152	CNTT152	Dương Trọng	Tú	25/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
153	CNTT153	Nguyễn Danh	Tú	18/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
154	CNTT154	Thân Thị	Tú	14/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
155	CNTT155	Nguyễn Trọng	Tuấn	27/02/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
156	CNTT156	Nguyễn Thị	Tuyết	25/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
157	CNTT157	Đỗ Thị	Vân	05/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT158	Nguyễn Như	Viện	13/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
159	CNTT159	Dương Thị Hải	Yến	14/12/2002	Nữ	Kinh	Đồng Nai	7.0	5.0	Đạt	
160	CNTT160	Ngân Quang	Anh	03/11/2001	Nam	Hoa	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
161	CNTT161	Nguyễn Ngọc	Anh	10/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
162	CNTT162	Phan Đình	Anh	02/01/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
163	CNTT163	Tạ Tuấn	Anh	19/10/1991	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
164	CNTT164	Bế Văn	Bình	28/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
165	CNTT165	Nguyễn Thị	Bình	20/09/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
166	CNTT166	Lục Văn	Bộ	27/07/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
167	CNTT167	Đặng Hữu	Chi	18/03/2001	Nam	Dao	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
168	CNTT168	Nguyễn Văn	Chí	04/05/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
169	CNTT169	Hoàng Văn	Chiến	12/04/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
170	CNTT170	Hà Thị	Chúc	14/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
171	CNTT171	Nịnh Thị	Chúc	13/02/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
172	CNTT172	Hoàng Thành	Công	21/11/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	6.7	6.5	Đạt	
173	CNTT173	Lê Văn	Công	18/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
174	CNTT174	Đàm Văn	Cơ	19/09/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
175	CNTT175	Hoàng Văn	Cường	12/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
176	CNTT176	Lý Thị	Dầu	08/09/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
177	CNTT177	Cam Văn	Diễn	04/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
178	CNTT178	Đinh Thị	Diệu	16/08/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
179	CNTT179	Ngô Thị	Dung	29/11/2000	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
180	CNTT180	Trần Thị	Dung	06/11/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
181	CNTT181	Vũ Văn	Dũng	30/08/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
182	CNTT182	Nguyễn Văn	Dũng	23/01/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
183	CNTT183	Nguyễn Văn	Dũng	22/08/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
184	CNTT184	Hoàng Đức	Duy	15/04/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
185	CNTT185	Hoàng Văn	Dương	25/12/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
186	CNTT186	Mạc Xuân	Đảng	26/11/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
187	CNTT187	Đinh Thị	Đào	24/08/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
188	CNTT188	Dương Văn	Đạt	09/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
189	CNTT189	Lương Hải	Đăng	04/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.7	6.0	Đạt	
190	CNTT190	Ban Văn	Đoàn	28/02/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
191	CNTT191	Đặng Văn	Đông	10/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
192	CNTT192	Bế Hồng	Đức	27/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
193	CNTT193	Hoàng Minh	Đức	02/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
194	CNTT194	Lương Công	Được	31/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
195	CNTT195	Trần Minh	Giang	01/11/2002	Nam	Sán dừ	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
196	CNTT196	Vũ Thị	Giang	17/10/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
197	CNTT197	Châu Văn	Hà	30/08/2000	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
198	CNTT198	Hoàng Thị	Hà	18/12/1991	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
199	CNTT199	Hoàng Thu	Hà	27/09/1989	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
200	CNTT200	Mông Thị	Hải	19/06/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
201	CNTT201	Nịnh Quốc	Hải	10/12/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
202	CNTT202	Đặng Thị	Hạnh	12/04/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
203	CNTT203	Lý Thị	Hằng	13/08/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
204	CNTT204	Lục Văn	Hậu	23/07/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
205	CNTT205	Hoàng Quang	Hiển	25/05/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	6.5	Đạt	
206	CNTT206	Nguyễn Trung	Hiếu	05/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
207	CNTT207	Chu Thị	Hoa	25/11/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
208	CNTT208	Mai Thị	Hoa	21/10/2001	Nữ	Nùng	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
209	CNTT209	Đàm Việt	Hoàng	22/05/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
210	CNTT210	Nguyễn Thị	Hòe	01/11/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
211	CNTT211	Đặng Quốc	Huấn	29/12/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
212	CNTT212	Đàm Thị	Huế	01/06/1989	Nữ	Cao Lan	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
213	CNTT213	Lãnh Văn	Hùng	30/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
214	CNTT214	Ngọc Văn	Huy	23/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
215	CNTT215	Trương Quang	Huy	17/09/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.0	6.5	Đạt	
216	CNTT216	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/09/1986	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
217	CNTT217	Trắng Văn	Huỳnh	20/09/2002	Nam	Hoa	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
218	CNTT218	Đặng Phúc	Hương	27/09/1999	Nam	Dao	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
219	CNTT219	Hoàng Mai	Hương	29/09/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
220	CNTT220	Nịnh Văn	Hương	18/01/1978	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
221	CNTT221	Đặng Thúy	Hường	08/11/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
222	CNTT222	Nguyễn Thị	Hường	23/11/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
223	CNTT223	Nông Thị	Hường	23/10/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
224	CNTT224	Dương Văn	Hướng	06/08/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
225	CNTT225	Nịnh Xuân	Khải	06/01/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
226	CNTT226	Nông Minh	Khôi	06/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
227	CNTT227	Trần Văn	Kiên	24/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
228	CNTT228	Vi Văn	Kiên	02/01/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
229	CNTT229	Lục Thị	Kiều	16/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
230	CNTT230	Dương Văn	Liêm	05/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
231	CNTT231	Lý Văn	Linh	19/05/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
232	CNTT232	Hà Văn	Luân	16/04/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	
233	CNTT233	Trần Thị	Lương	07/12/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
234	CNTT234	Hoàng Duy	Mạnh	06/10/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
235	CNTT235	Nguyễn Văn	Mạnh	01/07/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
236	CNTT236	Nông Văn	Mạnh	16/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
237	CNTT237	Trần Văn	Minh	17/07/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
238	CNTT238	Ban Thị Nga	26/04/2000	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
239	CNTT239	Nguyễn Thị Nga	22/03/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
240	CNTT240	Nguy Trọng Nghĩa	26/03/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
241	CNTT241	Hoàng Thị Ngoan	10/11/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
242	CNTT242	Bế Văn Nguyễn	28/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
243	CNTT243	Lý Thị Nguyệt	05/01/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
244	CNTT244	Mễ Thị Nguyệt	24/10/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.0	6.5	Đạt	
245	CNTT245	Trần Văn Nhất	30/09/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
246	CNTT246	Nguyễn Thị Nhung	07/01/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
247	CNTT247	Hà Văn Ninh	22/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
248	CNTT248	Trần Thúy Nội	26/03/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
249	CNTT249	Nguyễn Xuân Phương	14/04/1965	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
250	CNTT250	Trần Minh Phương	18/09/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	6.7	6.0	Đạt	
251	CNTT251	Bế Văn Quang	14/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
252	CNTT252	Vi Văn Quang	13/02/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
253	CNTT253	Dương Minh Quân	01/10/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
254	CNTT254	Lục Văn Quân	18/05/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
255	CNTT255	Phạm Minh Quân	23/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	6.0	Đạt	
256	CNTT256	Tô Thị Quân	18/10/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
257	CNTT257	Trần Văn Quân	27/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
258	CNTT258	Hoàng Đức	Quý	11/11/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
259	CNTT259	Lục Thị Ánh	Quyên	28/02/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
260	CNTT260	Đình Văn	Quyền	02/11/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
261	CNTT261	Đặng Thị	Quyết	04/08/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
262	CNTT262	Đặng Văn	Quyết	16/08/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
263	CNTT263	Đặng Văn	Quỳnh	04/11/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
264	CNTT264	Hoàng Văn	Sang	04/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
265	CNTT265	Lã Văn	Sáng	19/12/2001	Nam	Dao	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
266	CNTT266	Nịnh Văn	Sắc	20/06/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
267	CNTT267	Hoàng Hồng	Sơn	03/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	5.5	Đạt	
268	CNTT268	Nguyễn Hồng	Sơn	05/05/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	
269	CNTT269	Nguyễn Văn	Sỹ	29/01/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
270	CNTT270	Hà Văn	Tài	24/05/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
271	CNTT271	Hoàng Thị	Tám	16/08/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	6.7	6.5	Đạt	
272	CNTT272	Lương Công	Tân	27/09/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	
273	CNTT273	Bế Văn	Thái	11/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
274	CNTT274	Lý Thị	Thành	04/01/2002	Nữ	San Chí	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
275	CNTT275	Ngân Hải	Thành	07/07/2000	Nam	Hoa	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
276	CNTT276	Lộc Thị	Thao	19/05/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
277	CNTT277	Dương Huy	Thảo	23/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
278	CNTT278	Lộc Thị	Thảo	24/09/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.0	5.0	Đạt	
279	CNTT279	Lê Văn	Thế	03/12/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
280	CNTT280	Hoàng Công	Thịnh	15/01/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
281	CNTT281	Triệu Sinh	Thông	29/09/2002	Nam	Dao	Quảng Ninh	6.0	6.0	Đạt	
282	CNTT282	Bàn Văn	Thuần	15/10/2002	Nam	Dao	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
283	CNTT283	Đàm Quang	Thuận	21/12/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
284	CNTT284	La Thị Bích	Thùy	27/09/2002	Nữ	Cao lan	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
285	CNTT285	Trịnh Thị	Thùy	12/04/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
286	CNTT286	Vi Thị	Thương	05/06/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.0	6.0	Đạt	
287	CNTT287	Trần Thanh	Thường	06/08/2002	Nam	Sán dừ	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
288	CNTT288	Ban Văn	Tiến	24/04/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.2	6.5	Đạt	
289	CNTT289	Bế Văn	Toại	28/03/2001	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
290	CNTT290	Bùi Hữu	Trà	24/04/2002	Nam	Nùng	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
291	CNTT291	Nguyễn Thị Đoan	Trang	28/07/1988	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6.0	7.0	Đạt	
292	CNTT292	Lý Văn	Trọng	25/01/2002	Nam	Sán chí	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
293	CNTT293	Hoàng Anh	Tú	21/06/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
294	CNTT294	Phạm Ngọc	Tú	21/12/1988	Nam	Kinh	Bắc Giang	6.5	6.5	Đạt	
295	CNTT295	Trần Văn	Tú	02/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
296	CNTT296	Vi Văn	Tú	08/03/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
297	CNTT297	Trần Minh	Tuân	12/12/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
298	CNTT298	Nguyễn Huy	Tuấn	02/02/1982	Nam	Nùng	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
299	CNTT299	Nông Văn	Tuấn	22/08/2001	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	6.0	Đạt	
300	CNTT300	Tăng Văn	Tuấn	09/09/2002	Nam	Hoa	Bắc Giang	5.2	7.0	Đạt	
301	CNTT301	Vi Hoàng	Tuấn	03/06/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	6.0	Đạt	
302	CNTT302	Ngọc Thanh	Tùng	06/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
303	CNTT303	Vũ Đình	Tuyên	01/06/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	
304	CNTT304	Vi Thanh	Tuyền	18/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
305	CNTT305	Vi Đình	Tuyền	25/04/1980	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
306	CNTT306	Lăng Hồng	Tươi	16/08/2002	Nữ	Nùng	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	
307	CNTT307	Trần Văn	Vang	01/02/2001	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
308	CNTT308	Đình Thành	Văn	10/10/2002	Nam	Kinh	Bắc Giang	5.7	6.5	Đạt	
309	CNTT309	Mã Đức	Văn	17/07/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
310	CNTT310	Ban Văn	Vĩ	05/03/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.5	7.5	Đạt	
311	CNTT311	Bùi Công	Viên	21/08/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.7	7.0	Đạt	
312	CNTT312	Triệu Quý	Việt	27/08/2002	Nam	Dao	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
313	CNTT313	Vi Thịnh	Vinh	28/09/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.0	7.5	Đạt	
314	CNTT314	Vi Long	Vũ	15/05/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
315	CNTT315	Đặng Quốc	Vương	13/04/2002	Nam	Cao lan	Bắc Giang	5.2	5.0	Đạt	
316	CNTT316	Nguyễn Minh	Vỹ	18/09/1967	Nam	Kinh	Hưng Yên	7.2	5.0	Đạt	
317	CNTT317	Đặng Thị	Xoan	04/12/2002	Nữ	Dao	Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
318	CNTT318	Nông Văn Xuân	21/10/2002	Nam	Tày	Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	
319	CNTT319	Trần Thị Yên	09/10/2002	Nữ	Sán chí	Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
320	CNTT320	Hà Thị Yến	22/08/2002	Nữ	Tày	Bắc Giang	5.0	5.5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

320

Số thí sinh bỏ thi:

08

Số thí sinh dự thi:

312

Số thí sinh đạt yêu cầu:

312

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 13 tháng 01 năm 2020

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Bùi Thị Thơm